

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ-TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hưng T**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Tiến D**

2. Bà **Trần Thị Mai D**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Trần H** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu H** - Kiểm sát viên.

Hôm ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thanh T** - sinh năm 1980 (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Lê Xuân G** - sinh năm 1974 (Xin xét xử vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Khu 8 xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Hà Thị Lan H**
- Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Thọ (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Lê Xuân G đăng ký kết hôn ngày 24/10/2005 tại UBND xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại khu 8 xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân do anh G hay rượu, chè bê tha về nhà đánh đập, chửi bới, dọa giết vợ, con khiến chị nhiều lần pH bỏ về nhà mẹ đẻ ở, mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần, nhưng anh G chứng nào tật ấy thậm trí còn tệ hơn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G để giải phóng cho bản thân.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Văn H sinh ngày 25/10/2007. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh G pH cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không đề nghị tòa án giải quyết gì.

Tại biên bản lấy lời khai anh Lê Xuân G trình bày:

Về ngày tháng kết hôn, các thủ tục đăng ký kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Anh cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong cuộc sống nên dẫn đến thường xuyên xảy ra xô sát, cãi, đánh nhau. Tuy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin ly hôn anh không đồng ý mà mong muốn tòa án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Do công việc, sức khỏe yếu, hay uống rượu, tay chân run, nên anh không tự viết vào bản khai theo quy định được và không đến tòa án để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải được nên anh đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Văn H sinh ngày 25/10/2007. Nếu ly hôn anh và chị T ai nuôi dưỡng cháu H cũng được. Nếu chị T nuôi dưỡng anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị tòa án giải quyết gì.

Về công nợ, công sức: Anh xác định không có gì nên không đề nghị tòa án giải quyết gì.

Trong quá trình điều tra, xác minh được đại diện khu hành chính khu 8 và đại diện UBND xã P, thị xã Phú Thọ cho biết đến năm 2017 chị Lê Thị Thanh T và anh Lê Xuân G thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G không chịu khó làm ăn, thường xuyên rượu chè bê tha về đánh chửi chị T nên chị T và anh G pH sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn anh G, quan điểm địa phương đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân

thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ Khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

Đề nghị Xử cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn anh Lê Xuân G.

Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Lê Văn H sinh ngày 25/10/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không pH cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T và anh G đều không đề nghị giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị Lê Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thông báo, triệu tập chị Lê Thị Thanh T và anh Lê Xuân G đến Tòa án để giải quyết theo trình tự của pháp luật, chị T đều có mặt, anh G đều vắng có mặt. Tòa án cùng với chính quyền địa phương xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ đến nhà anh G tại khu 8 xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ để tiến hành lấy lời khai theo quy định của pháp luật. Trong biên bản lấy lời khai, anh G đề nghị xin được vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Do anh G đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định được vì vậy tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thanh T và anh Lê Xuân G đăng ký kết hôn ngày 24/10/2005 tại UBND xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu 8 xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống của vợ chồng tại đây đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G hay rượu, chè bê tha về đánh đập, chửi bới do đó anh, chị đã sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai nữa. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là trợ giúp viên pháp lý và chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh G. Xét quan điểm đề nghị của trợ giúp viên pháp lý và chị T tại điểm [2] là có căn cứ

chấp nhận, vì trong quá trình giải quyết vụ án anh G cũng đã trình bày quan điểm của mình vào biên bản lấy lời khai, là xác định quá trình chung sống của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và cũng xác nhận đã sống ly thân, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh G không còn, không thể trở về đoàn tụ với nhau được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị T được ly hôn anh G là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai anh G cũng thể hiện quan điểm của mình là quá trình chung sống của vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng anh xin đoàn tụ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh không đến tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải để trình bày quan điểm của mình về xin đoàn tụ, chỉ khi tòa án cùng với chính quyền địa phương đến tận nhà, anh mới bày tỏ quan điểm xin được đoàn tụ điều đó chứng tỏ việc xin đoàn tụ của anh là không thực tâm, gây khó dễ cho việc giải quyết vụ án do đó quan điểm của anh không được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Lê Xuân G xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Văn H sinh ngày 25/10/2007. Ly hôn chị T và anh G đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy hiện nay cháu H đang ở với chị T, tại bản khai cháu H cũng xin được ở với mẹ. Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của đứa trẻ và đảm bảo cho việc học tập, tránh sự sáo trộn không cần thiết nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là phù hợp, anh G không pH cấp dưỡng nuôi con cùng chị T do chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức:

Chị Lê Thị Thanh T và anh Lê Xuân G đều không đề nghị tòa án giải quyết gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T là đối tượng người khuyết tật được trợ giúp pháp lý và được nhà nước trợ cấp hàng tháng nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị T được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn anh Lê Xuân G.

2. Về con chung:

Xử giao cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn H sinh ngày 25/10/2007, kể từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động tự túc được. Anh Lê Xuân G không pH cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Chị Lê Thị Thanh T và anh Lê Xuân G đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: HĐXX Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị Lê Thị Thanh T. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002595 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh G vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã Phú Hộ;
- Lưu HS - Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Trần Hưng Thủy